

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRI TÔN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/DS-ST  
Ngày: 29-6-2020  
V/v tranh chấp hợp đồng  
mua bán tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Lưu Thị Hùng

***- Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Bà Chế Thị Hồng Cẩm;
2. Ông Mai Văn Tài.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Quới là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Ngọc Minh Thư-Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1985 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ 12, ấp Tân Lợi, xã T, huyện TT, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Hồng H, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 12, ấp Tân Lợi, xã T, huyện TT, tỉnh An Giang.

***2. Bị đơn:***

***Ông Nguyễn Hồng K, sinh năm 1991 (có mặt);***

***Bà Nguyễn Thị Cẩm C, sinh năm 1970 (có mặt).***

Cùng địa chỉ: Tổ 07, ấp Tô Phước, xã C, huyện TT, tỉnh An Giang.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Minh T do bà Phạm Thị Hồng H đại diện trình bày:*

Ngày 10/11/2018 bà Nguyễn Thị Cẩm C và ông Nguyễn Hồng K có đến đại lý vật tư nông nghiệp Khoa Nguyên do ông Nguyễn Minh T làm chủ mua phân bón, thuốc trừ sâu với số tiền 144.985.000 đồng, đến ngày 02/4/2019 bà C, ông K có thanh toán được 89.985.000 đồng, còn nợ lại số tiền là 55.000.000 đồng và thỏa thuận chịu lãi là 3%/tháng có làm biên nhận kèm theo cùng ngày 02/4/2019, hứa đến ngày 01/8/2019 sẽ trả cả vốn lẫn lãi nhưng không thực hiện và tiếp tục hứa đến ngày 30/11/2019 sẽ trả dứt điểm nhưng vẫn không thanh toán đúng theo thỏa thuận. Do ông K, bà C đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nay yêu cầu ông K, bà C phải trả cho ông T số tiền là 55.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật tính từ ngày 02/4/2019 đến ngày xét xử.

*Bị đơn Nguyễn Hồng K, Nguyễn Thị Cẩm C trình bày:*

Ông K, bà C thừa nhận có mua phân bón, thuốc trừ sâu tại đại lý vật tư nông nghiệp Khoa Nguyên do ông Nguyễn Minh T làm chủ, có nợ số tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu là 144.985.000 đồng, đến ngày 02/4/2019 có trả được 89.985.000 đồng, còn nợ lại số tiền là 55.000.000 đồng và thỏa thuận chịu lãi là 3%/tháng có làm biên nhận kèm theo cùng ngày 02/4/2019 đến nay vẫn chưa thanh toán cho ông T do điều kiện khó khăn làm ăn bị thua lỗ, nay xin trả dần mỗi năm trả làm 02 đợt vào tháng 3 và tháng 6 hàng năm, mỗi đợt trả số tiền 10.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ và yêu cầu ông T giảm tiền lãi, tính theo lãi suất Ngân hàng.

Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến:

Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ và chấp hành đúng trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho đương sự còn trễ 05 ngày so với quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Nhận thấy, bị đơn ông K, bà C có tham gia hợp đồng mua bán phân bón, thuốc trừ sâu với đại lý vật tư nông nghiệp Khoa Nguyên do ông Nguyễn Minh T làm chủ, ông T đã thực hiện nghĩa vụ giao hàng đầy đủ theo đúng số lượng yêu cầu, ông K, bà C đã nhận đủ hàng hóa nhưng chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền đối với số hàng hóa phân bón, thuốc trừ sâu đã nhận được thể hiện qua danh sách hàng hóa kèm biên nhận ngày 02/4/2019 nên việc nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 12 tháng 02 năm 2020 Ông Nguyễn Minh T có đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hồng K, bà Nguyễn Thị Cẩm C trả số tiền nợ mua bán vật tư nông nghiệp phân bón, thuốc trừ sâu. Đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng dân sự “Hợp đồng mua bán tài sản”, ông K, bà C cư trú tại tổ 07, ấp Tô Phước, xã C, huyện TT, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận có tham gia hợp đồng mua bán phân bón, thuốc trừ sâu với nhau nhiều lần từ năm 2018 với số tiền bị đơn nợ nguyên đơn theo hợp đồng mua bán là 144.985.000 đồng, đến ngày 02/4/2019 bị đơn có trả được 89.985.000 đồng, còn nợ lại số tiền là 55.000.000 đồng và thỏa thuận chịu lãi là 3%/tháng có ký tên xác nhận đối chiếu nợ thể hiện qua danh sách hàng hóa kèm biên nhận ngày 02/4/2019. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Nguyễn Hồng K và bà Nguyễn Thị Cẩm C trả số tiền nợ còn lại là 55.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi theo quy định pháp luật tính từ ngày 02/4/2019 đến ngày xét xử, bị đơn thừa nhận nợ và xin trả dần mỗi năm trả làm 02 đợt vào tháng 3 và tháng 6 hàng năm, mỗi đợt trả số tiền 10.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ và yêu cầu nguyên đơn giảm tiền lãi và tính lãi theo mức lãi suất Ngân hàng nhưng không được nguyên đơn chấp nhận.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy, hợp đồng mua bán tài sản là phân bón và thuốc trừ sâu được xác lập giữa ông Nguyễn Minh T với ông Nguyễn Hồng K, bà Nguyễn Thị Cẩm C trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, các chủ thể tham gia có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự phù hợp, nên có hiệu lực làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ với nhau khi tham gia giao dịch. Đây là hợp đồng mua bán tài sản các bên có thỏa thuận về việc trả lãi chậm thanh toán là 3%/tháng kể từ ngày 02/4/2019, trong đó ông Trí đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao đúng, đủ số lượng, chất lượng hàng hóa cho ông K, bà C, ngược lại ông K, bà C không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền, nên việc ông T khởi kiện yêu cầu ông K, bà C trả số tiền còn nợ là 55.000.000 đồng là có cơ sở, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền 55.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn, theo nội dung đối chiếu tiền nợ ngày 02/4/2019 hai bên thỏa thuận số tiền nợ 55.000.000 đồng được tính lãi 3%/tháng kể từ ngày 02/4/2019, với mức lãi suất các bên thỏa thuận là quá cao không phù hợp với quy định của pháp luật tại các Điều 357, 440, 468 Bộ luật Dân sự cần điều chỉnh cho phù hợp. Tuy nhiên, khi khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu tính tiền lãi theo mức lãi suất do pháp luật quy định tính từ ngày 02/4/2019, xét yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp. Do bị đơn chậm thực hiện

nghĩa vụ thanh toán tiền cho nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu trả tiền nợ và tiền lãi chậm trả là có cơ sở chấp nhận. Số tiền lãi được tính từ ngày 02/4/2019 đến ngày 29/6/2020 là 14 tháng 27 ngày. Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn chỉ yêu cầu tính tiền lãi tròn 14 tháng, không yêu cầu tính số tiền lãi trong 27 ngày. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của nguyên đơn và có lợi cho bị đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, tiền lãi 14 tháng phát sinh từ số tiền nợ gốc 55.000.000 đồng được tính theo mức lãi suất do pháp luật quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự tối đa là 20%/năm được tính như sau:  $(55.000.000 \times 20\% : 12) \times 14 = 12.833.000$  đồng.

Tổng cộng số tiền vốn và lãi bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn là 67.833.000 đồng (gồm nợ gốc 55.000.000đ + lãi 12.833.000đ).

Đối với yêu cầu của ông K, bà C yêu cầu xin trả dần mỗi năm trả làm 02 đợt vào tháng 3 và tháng 6 hàng năm, mỗi đợt trả số tiền 10.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ và yêu cầu nguyên đơn giảm tiền lãi và tính lãi theo lãi suất Ngân hàng nhưng không được nguyên đơn chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét chấp nhận yêu cầu của ông K, bà C.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn ông K, bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức án phí có giá ngạch là 5% trên số tiền 67.833.000 đồng nguyên đơn yêu cầu ông K, bà C phải trả. Ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 430, Điều 440, Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự;

Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T đối với ông Nguyễn Hồng K và bà Nguyễn Thị Cẩm C.

Buộc ông Nguyễn Hồng K và bà Nguyễn Thị Cẩm C phải trả cho ông Nguyễn Minh T số tiền 67.833.000 đồng (sáu mươi bảy triệu, tám trăm ba mươi ba ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án

theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

## 2. Về án phí:

Ông Nguyễn Hồng K, bà Nguyễn Thị Cẩm C phải chịu 3.392.000 đồng (ba triệu, ba trăm chín mươi hai ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Minh T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.375.000 đồng (một triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000071 ngày 12 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### ***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lưu Thị Hùng**

